

Số: 3293 /TTr-UBND

Đắk Nông, ngày 13 tháng 6 năm 2023

**TỜ TRÌNH**

**Về việc phương án xử lý các khoản tăng/giảm thu so với  
dự toán được giao của ngân sách tỉnh năm 2022**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật;

Căn cứ Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2047/QĐ-TTg ngày 03/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách tỉnh năm 2022;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

**1. Về tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022**

a) Căn cứ số liệu đến hết ngày 28/02/2023 thì tổng thu NSNN trên địa bàn năm 2022 là 3.449,22 tỷ đồng, đạt 136% so với dự toán Trung ương giao và đạt 116% so với dự toán địa phương giao. Trong đó: Thu nội địa là 3.268,97 tỷ đồng, đạt 135% so với dự toán Trung ương giao và đạt 115% so với dự toán địa phương giao; Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu là 148,83 tỷ đồng, đạt 91% so với dự toán Trung ương giao. Cụ thể:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Nội dung	Dự toán TW giao năm 2022		Dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022			Thực hiện năm 2022		
	Thu NSNN (1+2+3+4)	Thu NSDP (1+2+3+4+5)	Thu NSNN (1+2+3+4)	Thu NSDP:		Thu NSNN (1+2+3+4)	Thu NSDP:	
				Tỉnh	Huyện		Tỉnh	Huyện
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.583</b>	<b>2.221,91</b>	<b>3.000</b>	<b>1.565,89</b>	<b>1.071,02</b>	<b>3.449,22</b>	<b>1.558,10</b>	<b>1.616,21</b>
<b>1. Thu nội địa</b>	<b>2.420</b>	<b>2.221,91</b>	<b>2.837</b>	<b>1.565,89</b>	<b>1.071,02</b>	<b>3.268,96</b>	<b>1.533,65</b>	<b>1.538,04</b>
<i>Trong đó:</i>								
- Thu tiền sử dụng đất	380	380	650	265	385	673,58	170,5	503,08
- Thu tiền xổ số kiến thiết	28	28	28	28		28,28	28,28	
<b>2. Thu từ hoạt động XNK</b>	<b>163</b>	<b>-</b>	<b>163</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>148,83</b>		
<b>3. Thu huy động đóng góp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>29,93</b>	<b>20</b>	<b>9,93</b>
<b>4. Thu viện trợ</b>						<b>1,501</b>		
<b>5. Thu kết dư ngân sách</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>72,69</b>	<b>4,45</b>	<b>68,24</b>

b) Theo quy định về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giai đoạn 2022-2025, thu ngân sách được hưởng của các cấp ngân sách địa phương (không gồm thu chuyển giao ngân sách, thu chuyển nguồn) là 3.174,31 tỷ đồng, tăng 952,4 tỷ đồng so với trung ương giao, tăng 537,4 tỷ đồng so với dự toán HĐND tỉnh giao.

c) Thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng là 1.558,1 tỷ đồng, hụt 7,79 tỷ đồng so với dự toán HĐND tỉnh giao. Nếu loại trừ hụt thu tiền sử dụng đất là 94,5 tỷ đồng, tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết là 0,28 tỷ đồng, kinh phí thực hiện công tác đo đạc, lập hồ sơ địa chính của các huyện hoàn trả ngân sách tỉnh là 19,13 tỷ đồng (tương ứng 10% dự toán thu tiền sử dụng đất của ngân sách huyện và được hạch toán vào thu khác ngân sách tỉnh), thu huy động đóng góp là 20 tỷ đồng thì **ngân sách tỉnh tăng thu 66,9 tỷ đồng**.

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi được bố trí gắn với các nguồn thu và giải ngân theo tiến độ thu của ngân sách tỉnh năm 2022:

a) Tiền sử dụng đất

Dự toán thu tiền sử dụng đất năm 2022 của ngân sách tỉnh được HĐND tỉnh giao là 265 tỷ đồng, thực hiện năm 2022 là 170,499 tỷ đồng. Đã phân bổ để giải ngân cho các dự án, công trình là 126,132 tỷ đồng (bằng kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất của ngân sách tỉnh năm 2022 sau khi HĐND tỉnh điều chỉnh), trích lập Quỹ Phát triển đất là 27,392 tỷ đồng và chi phục vụ công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính là 16,975 tỷ đồng.

b) Tiền xổ số kiến thiết

- Dự toán thu từ hoạt động xổ số kiến thiết năm 2022 của ngân sách tỉnh được HĐND tỉnh giao là 28 tỷ đồng, thực hiện năm 2022 là 28,281 tỷ đồng. Dự toán chi từ nguồn thu tiền xổ số kiến thiết năm 2022 của ngân sách cấp tỉnh sau khi điều chỉnh là 26,3 tỷ đồng (dự báo nguồn thu xổ số kiến thiết của ngân sách cấp tỉnh sẽ không đạt dự toán, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ động tham mưu HĐND tỉnh điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn thu hoạt động xổ số kiến thiết là 1,7 tỷ đồng).

- Vì vậy, số thu từ hoạt động xổ số kiến thiết năm 2022 chưa phân bổ của ngân sách tỉnh là 1,981 tỷ đồng (28,281 tỷ đồng-26,3 tỷ đồng).

c) Kinh phí huy động đóng góp

Năm 2022, ngân sách tỉnh được Cục Chính sách - Tổng cục Chính trị (Bộ Quốc phòng) hỗ trợ kinh phí để xây dựng công trình ghi danh liệt sĩ hy sinh tại Đồn Biên phòng cửa khẩu Bu P'răng với số tiền là 20 tỷ đồng. Hiện nay, các cơ quan, đơn vị đang phối hợp hoàn chỉnh hồ sơ để phân bổ kinh phí thực hiện theo quy định.

d) Kinh phí thực hiện công tác đo đạc, lập hồ sơ địa chính của các huyện hoàn trả ngân sách tỉnh:

- Căn cứ dự toán được giao và tình hình thực hiện nhiệm vụ thu tiền sử dụng đất, trong năm 2022 các huyện đã hoàn trả ngân sách tỉnh đối với phần kinh phí ngân sách tỉnh đã bố trí để thực hiện nhiệm vụ đo đạc, cấp giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại Sở Tài nguyên và Môi trường thay cho các huyện là 19,133 tỷ đồng (tương ứng 10% dự toán thu tiền sử dụng đất của các huyện và được hạch toán vào thu khác ngân sách tỉnh).

- Hoàn nguồn cho ngân sách tỉnh 10,471 tỷ đồng (do trong năm 2022, để kịp thời thực hiện nhiệm vụ, ngân sách tỉnh đã chủ động bố trí cho Sở Tài nguyên và Môi trường giải ngân); số còn lại 8,662 triệu đồng, các đơn vị đang hoàn thiện hồ sơ để giải ngân theo quy định.

#### d) Về việc trích lập tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương

- Căn cứ nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao; hướng dẫn hiện hành về tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương; trên cơ sở số thực hiện thu ngân sách địa phương năm 2022 được hưởng theo quy định, ngân sách các cấp địa phương phải trích lập 70% số tăng thu so với dự toán cấp trên giao năm 2022 (không bao gồm các khoản thu được gắn với nhiệm vụ chi cụ thể như: thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, thu huy động đóng góp, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản....) để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định là 452,2 tỷ đồng, gồm: ngân sách huyện là 292,4 tỷ đồng và ngân sách cấp tỉnh là 159,8 tỷ đồng.

- Trong quá trình lập và phân bổ dự toán đầu năm 2022, địa phương đã tạm trích lập nguồn để chi thực hiện cải cách tiền lương (dựa trên số liệu giao thu của HĐND tỉnh so với số Trung ương giao) tại ngân sách tỉnh là 101,5 tỷ đồng.

- Như vậy, ngân sách các cấp địa phương còn phải trích kinh phí tạo nguồn CCTL năm 2022 là 350,7 tỷ đồng; trong đó, ngân sách cấp tỉnh là 58,3 tỷ đồng (159,8 tỷ đồng-101,5 tỷ đồng).

e) Thu, chi chuyên giao giữa các cấp ngân sách (cấp dưới hoàn trả ngân sách tỉnh, ngân sách tỉnh hoàn trả ngân sách trung ương)

- Thực hiện kết luận của thanh tra, kiểm toán và cơ quan tài chính cấp trên, trong niên độ ngân sách 2022 các huyện, thành phố đã nộp trả ngân sách tỉnh kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách và thực hiện cải cách tiền lương là 25,916 tỷ đồng.

- Trong năm, địa phương đã thực hiện nộp trả ngân sách trung ương theo đề nghị của Bộ Tài chính là 110,362 tỷ đồng, bao gồm: Kinh phí cải cách tiền lương trung ương đã bổ sung năm 2021 là 109,267 tỷ đồng và chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg là 1,095 tỷ đồng.

- Đối với số 84,446 tỷ đồng chênh lệch giữa số ngân sách huyện nộp trả và số nộp trả ngân sách trung ương, được sử dụng từ kinh phí thực hiện cải

cách tiền lương chưa sử dụng năm 2022 của ngân sách tỉnh (bao gồm nguồn CCTL năm 2021 chưa sử dụng được chuyển nguồn sang năm 2022).

3. Tiết kiệm chi ngân sách tỉnh từ nguồn chi thường xuyên năm 2022 là 162,976 tỷ đồng (*Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo*), gồm: Dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị không sử dụng hết điều chỉnh về ngân sách tỉnh là 5,263 tỷ đồng và các nhiệm vụ chi chưa phân bổ chi tiết đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm 2022 của ngân sách tỉnh, đến nay đã hết nhiệm vụ chi là 157,713 tỷ đồng.

4. Căn cứ các số liệu nêu trên; các quy định, hướng dẫn hiện hành của cơ quan có thẩm quyền; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và để đảm bảo cân đối ngân sách tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh:

4.1. Phương án xử lý các khoản tăng, hụt thu và tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2022, cụ thể như sau:

a) Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương của ngân sách tỉnh là 58,3 tỷ đồng (tương ứng số phải trích tạo nguồn CCTL từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022 còn thiếu so với dự toán đã tạm trích của ngân sách tỉnh).

b) Tăng chi trả nợ, bao gồm trả nợ gốc và lãi;

- Trả nợ gốc đến hạn năm 2022 đối với các khoản địa phương vay lại của Chính phủ từ nguồn vay nước ngoài là 8,5 tỷ đồng.

Tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính quy định:

*“...c) Đối với các địa phương có dự toán vay để trả nợ gốc: Để bảo đảm chủ động nguồn trả nợ gốc đầy đủ, đúng hạn, khi phân bổ vốn chi đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để bố trí chi trả nợ gốc đến hạn và bù lại nguồn cho chi đầu tư phát triển khi thực tế thực hiện được khoản vay theo kế hoạch...”*

Năm 2022, dự toán chi trả nợ gốc vay chính quyền địa phương của tỉnh Đắk Nông đã được Quốc hội, HĐND tỉnh quyết định là 8,5 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022 chưa bố trí dự toán chi trả nợ gốc nên đến thời điểm hiện tại địa phương vẫn chưa thực hiện được nghĩa vụ trả nợ gốc năm 2022.

- Bố trí nguồn để hoàn trả ngân sách trung ương theo kết luận kiểm toán:

+ Số dư kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu chưa sử dụng hết 42,714 tỷ đồng (Kết luận kiểm toán ngân sách địa phương năm 2011 là 28,958 tỷ đồng, đã thực hiện 6,271 tỷ đồng; Kết luận kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 là 65,703 tỷ đồng, đã thực hiện 45,676 tỷ đồng).

+ Kinh phí sự nghiệp trung ương bổ sung có mục tiêu không sử dụng hết là 2,399 tỷ đồng (Kết luận kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 là

18,953 tỷ đồng, đã thực hiện 16,554 tỷ đồng), bao gồm: Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững là 1,889 tỷ đồng; Đề án tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020 là 0,133 tỷ đồng; chính sách hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn là 0,179 tỷ đồng; các chương trình mục tiêu khác 0,198 tỷ đồng.

+ Kinh phí thực hiện CCTL là 17,883 tỷ đồng (Kết luận kiểm toán ngân sách địa phương năm 2013 là 0,096 tỷ đồng, Kết luận kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 là 9,662 tỷ đồng, Kết luận kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 là 7,797 tỷ đồng, Kết luận kiểm toán ngân sách địa phương năm 2018 là 0,328 tỷ đồng).

c) Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội:

Trên cơ sở báo cáo của Sở Y tế tại Công văn số 71/SYT-KHTC ngày 10/01/2023:

- Tổng kinh phí phải chi chế độ, chính sách trong phòng, chống dịch Covid-19 (từ năm 2020 đến hết năm 2022) là 110,464 tỷ đồng; đến hết niên độ ngân sách 2022, đơn vị đã giải ngân cho các chế độ, chính sách trong phòng, chống dịch Covid-19 là 79,263 tỷ đồng (sử dụng trong 224,367 tỷ đồng mà ngân sách tỉnh đã bố trí cho ngành y tế để thực hiện phòng, chống dịch Covid-19); Như vậy, chế độ, chính sách trong phòng, chống dịch Covid-19 đến nay chưa chi là 31,2 tỷ đồng.

- Tổng kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng, chống dịch Covid-19 (từ năm 2020 đến hết năm 2022) là 186,228 tỷ đồng; đến hết niên độ ngân sách 2022, đơn vị đã giải ngân cho sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng, chống dịch Covid-19 là 144,183 tỷ đồng (sử dụng trong 224,367 tỷ đồng mà ngân sách tỉnh đã bố trí cho ngành y tế để thực hiện phòng, chống dịch Covid-19); Như vậy, các khoản sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng, chống dịch Covid-19 chưa chi là 42,045 tỷ đồng.

*(Chi tiết số liệu như Phụ lục số 02 kèm theo)*

Do đó, thực hiện bổ sung cho Sở Y tế là 50 tỷ đồng để chi trả các chế độ, chính sách và thanh toán một phần chi phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế, chi phí khác trong phòng, chống dịch Covid-19 còn nợ từ năm 2022 trở về trước; đối với số còn thiếu theo đề nghị của Sở Y tế, sẽ tiếp tục cân đối để bổ sung do đến thời điểm hiện tại các đơn vị trực thuộc ngành y tế vẫn đang tiếp tục rà soát để đảm bảo điều kiện thanh, quyết toán.

d) Khen thưởng theo chính sách tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết 02/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh với tổng số tiền là 5,5 tỷ đồng đồng, gồm: thành phố Gia Nghĩa đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 là 1 tỷ đồng và 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 là 4,5 tỷ đồng (xã Đắk D'rông, huyện Cư Jút; xã Đắk N'Drót và xã Đức Minh, huyện Đắk Mil; xã

Đắk Hòa, huyện Đắk Song; xã Đắk Drô, huyện Krông Nô và xã Đắk Sin, xã Hưng Bình, xã Nhân Đạo, xã Đạo Nghĩa, huyện Đắk R'lấp).

f) Chi thực hiện một số dự án đầu tư phát triển (*chi tiết như Phụ lục 03 kèm theo*) và nhiệm vụ quan trọng, cấp bách:

- Di dời tái định cư cho 212 hộ dân ở khu vực trung tâm thành phố Gia Nghĩa là 25 tỷ đồng (tương ứng với kế hoạch vốn bị cắt giảm năm 2022, do thu tiền sử dụng đất của ngân sách tỉnh không đạt dự toán).

- Nhà Đa khoa Kỹ thuật thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp 1,981 tỷ đồng (tương ứng số thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa phân bổ của ngân sách tỉnh năm 2022).

- Nâng cấp đường tuần tra quản lý bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, tỉnh Đắk Nông là 5,424 tỷ đồng.

- Đường giao thông từ xã Đắk Drô đi xã Nam Nung, huyện Krông Nô (ĐH59) là 4,629 tỷ đồng.

- Chi thực hiện công tác đo đạc, lập hồ sơ địa chính là 8,662 tỷ đồng (tương ứng kinh phí thực hiện công tác đo đạc, lập hồ sơ địa chính của các huyện đã hoàn trả ngân sách tỉnh năm 2022 nhưng chưa nhập dự toán cho đơn vị giải ngân vì chưa hoàn thiện hồ sơ).

- Hỗ trợ có mục tiêu cho thành phố Gia Nghĩa 20 tỷ đồng để duy trì đô thị sáng - xanh - sạch - đẹp nhằm phục vụ các chương trình, nhiệm vụ xúc tiến đầu tư, xúc tiến du lịch và chuẩn bị cho các sự kiện chào mừng kỷ niệm 20 năm thành lập tỉnh (chi phí chăm sóc cây xanh, vệ sinh môi trường và điện chiếu sáng các tuyến đường, khu vực công cộng trên địa bàn thành phố; bao gồm thanh toán các khoản nợ năm trước do thành phố chưa cân đối được nguồn kinh phí; xét đề nghị của UBND thành phố Gia Nghĩa tại Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 24/02/2023 và thực hiện Thông báo Kết luận Phiên họp thứ 24 Thường trực HĐND tỉnh Khóa IV).

- Xây dựng công trình ghi danh liệt sĩ hy sinh tại Đền Biên phòng cửa khẩu Bu P'răng là 20 tỷ đồng (tương ứng số thu huy động đóng góp, thực hiện phân bổ khi hoàn thiện đủ hồ sơ).

4.2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ phương án sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2022 đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện chuyển nguồn sang năm 2023 để tổ chức phân bổ cho các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố triển khai thực hiện, đảm bảo đúng, đầy đủ hồ sơ, thủ tục và thời gian theo quy định; đồng thời, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Kính đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến đề Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, KHĐT;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Chiến**

Phụ lục số 01

**TỔNG HỢP SỐ TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022 CỦA NGÂN SÁCH TỈNH**

(Kèm theo Tờ trình số 3293/TTr-UBND ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đơn vị/Nội dung	Số tiền
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>162.976</b>
<b>I</b>	<b>Số dự toán của các đơn vị điều chỉnh về ngân sách tỉnh</b>	<b>5.263</b>
<b>1</b>	<b>Văn phòng Tỉnh ủy</b>	<b>377</b>
-	Lương và chi khác theo quy định	77
-	Kinh phí bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	300
<b>2</b>	<b>Sở Y tế</b>	<b>1.696</b>
-	Lương và chi khác theo quy định	244
-	Hợp đồng 68	20
-	Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	85
-	Kinh phí thực hiện công tác an toàn vệ sinh thực phẩm	11
-	Hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng nhà cửa cơ sở khám và điều trị bệnh; các Trạm y tế xã	102
-	Mua sắm máy MRI 1,5 Tesla cho BVĐK tỉnh	110
-	Phụ cấp cộng tác viên dân số thực hiện theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 05/05/2022	141
-	Đào tạo theo định mức	40
-	Hỗ trợ kinh phí thu gom và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn theo QĐ 1463/QĐ-UBND và QĐ 1440/QĐ-UBND	537
-	Trợ cấp lần đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ	442
-	Hệ thống lọc nước tinh khiết cho các TTYT huyện phục vụ sinh hoạt cho bệnh nhân	4
-	Kinh phí tổ chức Lễ kỷ niệm 110 năm Phong trào khởi nghĩa N' Trang Long và Khánh thành Tượng đài N' Trang Long	3
-	Kinh phí in ấn hồ sơ, biểu mẫu phục vụ công tác khám chữa bệnh, phiếu khai báo y tế phục vụ công tác điều tra truy vết F0, F1	190
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công của lĩnh vực y tế do ngân sách nhà nước đảm bảo	11
<b>3</b>	<b>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</b>	<b>814</b>
-	Trang phục thanh tra	1
-	Kiểm tra, thanh tra về công tác Giảm nghèo; pháp luật lao động; bảo hiểm xã hội, đào tạo nghề và công tác phòng chống xâm hại trẻ em	1
-	Đào tạo theo định mức	15
-	Hội nghị biểu dương, điều dưỡng, thăm, tặng quà ngày 27/7 và lễ, tết cho người có công, các đối tượng chính sách khác theo chủ trương của cơ quan có thẩm quyền	200
-	Duy tu, bảo dưỡng và chăm sóc cây xanh tại Nghĩa trang liệt sĩ	108
-	Kinh phí thăm, tặng quà các cơ quan, đơn vị, cá nhân và gia đình chính sách nhân dịp tết Nguyên đán Nhâm dần năm 2022	66
-	Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc	8
-	Mua xe ô tô chuyên dùng	70
-	Thuê trụ sở Trung tâm dịch vụ việc làm	45
-	Chế độ, chính sách cho hoạt động bảo trợ xã hội theo Nghị định 26/2016/NĐ-CP, 103/2017/NĐ-CP, 20/2021/NĐ-CP (hỗ trợ hoạt động chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội, người nuôi dưỡng đối tượng tâm thần và các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác bảo trợ xã hội)	300
<b>4</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>537</b>
-	Chính sách theo Thông tư liên tịch 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT	227
-	Đào tạo theo định mức	310



STT	Đơn vị/Nội dung	Số tiền
<b>5</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>	<b>365</b>
-	Kinh phí duy trì phần mềm phòng, chống mã độc	305
-	Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn liên ngành phòng, chống in lậu	60
<b>6</b>	<b>Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh</b>	<b>13</b>
-	Lương và chi khác theo quy định	6
-	Kinh phí thực hiện các hoạt động kêu gọi đầu tư vào Khu công nghiệp	7
<b>7</b>	<b>Trung đoàn 994</b>	<b>1.270</b>
-	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo	820
-	Mua sắm bàn ghế Hội trường chỉ huy	450
<b>8</b>	<b>Bảo hiểm xã hội tỉnh</b>	<b>191</b>
-	Kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng theo quy định	191
<b>II</b>	<b>Kinh phí chưa phân bổ đang tồn tại ngân sách tỉnh</b>	<b>157.713</b>
1	Dự phòng ngân sách tỉnh	25.874
2	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ và sửa chữa cấp bách các công trình thủy lợi (nguồn NSDP)	43.153
3	Vốn đối ứng các dự án thuộc sự nghiệp bảo vệ môi trường và khắc phục sự cố môi trường cấp bách	33.328
4	Kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện khoản chi giai đoạn 2022-2025 của các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ công thiết yếu tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và các đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên	55.219
5	Kinh phí phục vụ cho công tác cấp giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải đường bộ	139

2



**Phụ lục số 02**

**TÌNH HÌNH KINH PHÍ THỰC HIỆN PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 CỦA SỞ Y TẾ**

*(Kèm theo Tờ trình số 3293 /TT-UBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện theo báo cáo của Sở Y tế (1)				Kinh phí đơn vị đã chi (2)			
		Tổng cộng	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tổng cộng	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>296.692</b>	<b>25.713</b>	<b>196.660</b>	<b>74.319</b>	<b>223.447</b>	<b>25.713</b>	<b>111.642</b>	<b>86.091</b>
<b>I</b>	<b>Chế độ, chính sách chống dịch</b>	<b>110.464</b>	<b>6.607</b>	<b>58.598</b>	<b>45.259</b>	<b>79.263</b>	<b>6.607</b>	<b>15.155</b>	<b>57.501</b>
1	Chính sách theo Nghị quyết số 37/NQ-CP	7.703	6.607	1.096		7.703	6.607	1.065	31
2	Chính sách theo Nghị quyết số 16/NQ-CP	58.281		33.466	24.815	41.504		13.057	28.447
3	Chính sách theo Nghị quyết số 17/NQ-CP	183		183		13		10	3
4	Chính sách theo Nghị quyết số 58/NQ-CP (công tiêm COVID-19)	11.391		4.482	6.909	6.087		367	5.720
5	Chính sách theo Nghị quyết số 68/NQ-CP; Nghị quyết số 126/NQ-CP (hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19)	7.455	-	7.447	8	7.456	-	656	6.800
-	Người cao tuổi và người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP phải điều trị nhiễm Covid-19 hoặc cách ly y tế theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	1		1		-			
6	Chính sách theo Nghị quyết số 86/NQ-CP (chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho bệnh nhân COVID-19)	25.451		11.924	13.527	16.500			16.500
<b>II</b>	<b>Sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị và vật tư y tế, chi phí khác</b>	<b>186.228</b>	<b>19.106</b>	<b>138.062</b>	<b>29.060</b>	<b>144.184</b>	<b>19.106</b>	<b>96.487</b>	<b>28.590</b>
1	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất	16.999	6.790	8.742	1.467	14.967	6.790	4.287	3.890
2	Mua sắm trang thiết bị y tế	53.872	4.277	49.595		49.679	4.277	37.860	7.542
3	Mua vật tư tiêu hao thiết yếu, mua sắm thuốc, hóa chất, sinh phẩm, phương tiện phòng chống dịch	87.910	3.158	63.946	20.806	58.053	3.158	45.918	8.977
4	Chi phí khác, gồm: kiểm tra, giám sát (nhiên liệu, ...); tuyên truyền (in băng rôn, tập huấn, ...); các chi phí khác ...	27.447	4.881	15.779	6.787	21.485	4.881	8.423	8.181

**Ghi chú:**

(1) Số liệu được tổng hợp theo Công văn số 1197/SYT-KHTC ngày 29/5/2021 và Công văn số 71/SYT-KHTC ngày 10/01/2023 của Sở Y tế

(2) Theo xác nhận của các đơn vị với Kho bạc Nhà nước cùng cấp và đã báo cáo TW: Năm 2020 tại Công văn số 4055/UBND-KTTH ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh và Công văn số 9367/BTC-NSNN ngày 17/8/2021 của Bộ Tài chính; Năm 2021 tại Công văn số 2948/UBND-KTTH ngày 06/6/2022 và Công văn số 6443/BTC-NSNN ngày 05/7/2022 của Bộ Tài chính; Năm 2022 theo Công văn số 273/SYT-KHTC ngày 10/02/2023 của Sở Y tế.

(3) Ngân sách đã cấp cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 là 224.367 triệu đồng, gồm: năm 2020 là 27.000 triệu đồng, năm 2021 là 111.267 triệu đồng, năm 2022 là 86.100 triệu đồng

2/



Phụ lục số 03

**BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN TẶNG THU, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số 3293 TT-UBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (đến thời điểm 30/10/2022)	Lũy kế vốn đã bố trí				Đề xuất bổ sung		
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (đến thời điểm 30/10/2022)	Tổng số	Năm 2021		Năm 2022	Năm 2023
					Chia theo nguồn vốn			Ngân sách tỉnh								
					Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương									
			Cấp phát	Vay lại												
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	<b>Tổng số</b>				<b>578.991</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>578.991</b>	<b>562.575</b>	<b>372.112</b>	<b>63.790</b>	<b>162.603</b>	<b>145.719</b>	<b>51.981</b>	
-	Nhà Đa khoa Kỹ thuật thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk R'Lấp	Sở Y tế	2021-2023	1904/QĐ-UBND, 22/12/2020	33.991				33.991	33.991	23.723	10.200	8.000	5.523	1.981	
-	Nâng cấp đường tuần tra quản lý bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung tỉnh Đắk Nông	Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung	2022-2024	2284/QĐ-UBND, 22/12/2021	18.000				18.000	14.284	6.700		4.700	2.000	5.000	
-	Di dời tái định cư cho 212 hộ dân ở khu vực trung tâm thành phố Gia Nghĩa	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	2021-2024	1871/QĐ-UBND, 15/12/2020	400.000				400.000	400.000	272.025	32.400	120.500	119.125	25.000	
-	Đường từ xã Đắk Drô đi xã Năm Nung, huyện Krông Nô (ĐH 59)	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	2021-2023	1715/QĐ-UBND, 16/11/2020	20.000				20.000	18.000	13.371	4.600	5.700	3.071	4.000	
-	Hạ tầng kỹ thuật kết nối khu vực đồi Đắk Nur	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2021-2023	1827/QĐ-UBND, 07/12/2020	77.000				77.000	69.300	37.993	11.090	16.903	10.000	10.000	
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Tâm Thắng - Ea Tling; hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	2021-2023	1902/QĐ-UBND, 22/12/2020	30.000				30.000	27.000	18.300	5.500	6.800	6.000	6.000	

*(Handwritten mark)*